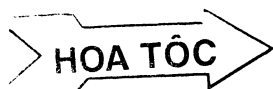


Số: 27/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2011



THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Bổ sung vào điểm b Khoản 1 Điều 12 nội dung sau:

“- Tiền gửi của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài.”

2. Bổ sung các mẫu báo cáo kèm theo Thông tư này: Biểu số 1 - Báo cáo số dư tiền gửi huy động bình quân phải dự trữ bắt buộc và Biểu số 3 - Báo cáo tổng hợp tình hình chấp hành dự trữ bắt buộc của tổ chức tín dụng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2011.

2. Bãi bỏ Quyết định số 187/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về điều chỉnh dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 2;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, CSTT (04 bản).

THÔNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN

BIỂU 1

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Tổ chức tín dụng gửi cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước,
Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính

BÁO CÁO
SỐ DƯ TIỀN GỬI HUY ĐỘNG BÌNH QUÂN PHẢI DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG.....NĂM

Đơn vị: triệu VND; ngàn USD/EURO/JPY/GBP/CHF.

Ngày	Số dư tiền gửi huy động bình quân phải dự trữ bắt buộc bằng VND		Số dư tiền gửi huy động bình quân phải dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	
	Loại không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Loại có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi phải dự trữ bắt buộc khác
1				Loại có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
2				
3				
....				
30				
31				
Số dư bình quân				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kiểm soát

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

-Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh thành phố gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước
- Sở Giao dịch tổng hợp báo cáo Thông đốc, đồng gửi Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH DỰ TRỮ BẮT BUỘC CỦA TÒ CHỨC TÍN DỤNG THÁNG.....NĂM

Đơn vị: triệu VND; ngàn USD/EURO/JPY/GBP/CHF.

STT	Tên TCTD	Số dư tiền gửi huy động bình quân phải dự trữ bắt buộc				Số tiền phải dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước	Dự trữ thực tế trong kỳ		Thừa thiếu DTBB		Ghi chú tóm tắt kết quả xử lý thừa thiếu dự trữ bắt buộc		
		Bảng VND		Bảng ngoại tệ			VND	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ			
		Loại không có kỳ hạn và dưới 12 tháng	Loại có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi phải dự trữ bắt buộc khác							Loại không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Loại có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
Tổng số													

Lập biểu

Kiểm soát

....., ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)